Digitally signed by Vn phòng y ban nhân dân
Date: 2018.12.12 07:30:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13608/UBND-KT	*Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2018*

CÔNG KHAI NỘI DUNG TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo tình hình thực hiện công khai nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Kết quả thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2018:

1. Thu ngân sách nhà nước:

Ước tổng thu NSNN trên địa bàn: 50.707.000 triệu đồng.

Đạt 94% dự toán giao đầu năm và tăng 04% so với cùng kỳ.

Cụ thể:

- Ước thu nội địa: 33.707.000 triệu đồng.

Đạt 88% dự toán giao đầu năm và bằng so với cùng kỳ. Trong đó: thu từ Xổ số 1.491.000 triệu đồng; thu từ tiền sử dụng đất là 2.500.000 triệu đồng).

- Ước thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.000.000 triệu đồng.

Đạt 110% dự toán giao đầu năm và tăng 12% so với cùng kỳ.

Số liệu thu ngân sách đến hết ngày 31/10/2018 là: 38.428.177 triệu đồng đạt 71% so với dự toán năm. Do đó, nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước từ nay đến cuối năm còn hết sức khó khăn, khả năng thu ngân sách không hoàn thành dự toán được Bộ tài chính giao.

2. Chi ngân sách địa phương

Ước tổng chi ngân sách địa phương: 19.148.083 triệu đồng.

Ước tổng chi ngân sách địa phương: 22.398.951 triệu đồng.

Đạt 105% dự toán đầu năm và tăng 21% so với cùng kỳ.

- Ước chi đầu tư phát triển: 9.421.869 triệu đồng.

Số 2, Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa
Điện thoại: (0251) 3822501, 3824850 - Fax: (0251) 3823854 - 3824934

Đạt 130% dự toán đầu năm và tăng 31% so với cùng kỳ.

- Ước chi thường xuyên: 12.009.875 triệu đồng.

Đạt 99% dự toán đầu năm và tăng 07% so với cùng kỳ.

- Ước chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.
- Ước chi từ dự phòng ngân sách: 309.960 triệu đồng.

II. Xây dựng dự toán tỉnh Đồng Nai năm 2019

1. Chỉ tiêu dự toán năm 2019 Chính phủ giao:

Năm 2019 Chính phủ giao dự toán cho Đồng Nai như sau:

a) Tổng thu NSNN: 54.291.000 triệu đồng.

Tăng 01% so với dự toán năm 2018 và tăng 07% ước thực hiện 2018.

Bao gồm:

- Thu nội địa: 37.191.000 triệu đồng.

Bằng 97% so với dự toán năm 2018 và tăng 10% so với ước thực hiện 2018.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 17.100.000 triệu đồng.

Tăng 10% so với dự toán năm 2018 và tăng 01% so với ước thực hiện 2018.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 27.656.851 triệu đồng.

b.1) Chi ngân sách địa phương trong cân đối: 20.625.921 triệu đồng.

Bằng 97% so với dự toán năm 2018 và Bằng 92% so với ước thực hiện 2018. Bao gồm:

- Chi tạo nguồn thực hiện CCTL 1.011.083 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển: 6.978.860 triệu đồng.

Bằng 96% so với dự toán năm 2018 và Bằng 74% so với ước thực hiện 2018, gồm:

+ Chi nguồn ngân sách tập trung 3.993.860 triệu đồng.
+ Chi từ nguồn tiền thu tiền sử dụng đất 1.500.000 triệu đồng.
+ Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.485.000 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 12.143.108 triệu đồng.

Bằng dự toán năm 2018 và tăng 01% so với ước thực hiện 2018.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo 4.884.955 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 110.563 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 648.657 triệu đồng.

- Chi trả nợ lãi: 70.000 triệu đồng.
- Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách: 419.960 triệu đồng.

b.2) Chi ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu

Ngân sách Trung ương: 7.030.930 triệu đồng.

2. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2019:

Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn: 54.291.000 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Thu nội địa: 37.191.000 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 1.500.000 triệu đồng.
- Thu xổ số kiến thiết: 1.485.000 triệu đồng.

b) Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 17.100.000 triệu đồng

3. Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2019:

Tổng dự toán thu NSĐP: 27.656.851 triệu đồng.

- Các khoản thu trong cân đối: 20.625.921 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 7.030.930 triệu đồng.

4. Dự toán chi ngân sách địa phương:

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 27.656.851 triệu đồng.

4.1 Dự toán chi trong cân đối: 20.625.921 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Dự toán chi tạo nguồn CCTL: 1.011.083 triệu đồng.

b) Dự toán chi đầu tư phát triển: 6.978.860 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi XDCB nguồn vốn tập trung: 3.993.860 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.500.000 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.485.000 triệu đồng.

c) Dự toán chi thường xuyên: 12.143.108 triệu đồng.

Trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 5.172.849 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 110.563 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp quản lý môi trường: 664.336 triệu đồng.

d) Chi trả nợ lãi: 70.000 triệu đồng.

e) Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 2.910 triệu đồng.

g) Dự phòng ngân sách: 419.960 triệu đồng.

4.2. Dự toán chi ngân sách địa phương từ nguồn bổ sung có mục tiêu Ngân sách Trung ương: 7.030.930 triệu đồng.

(Đính kèm mẫu biểu công khai theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

Trên đây báo cáo công khai nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của UBND tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Sở Thông tin Truyền thông;
- Sở Tài chính;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT.

@ĐiềnKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 33/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo công văn số 13608 /UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC TH NĂM 2018	DỰ TOÁN NĂM 2019	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3	%
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**25,705,408**	**27,106,166**	**27,656,851**	**102%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**20,998,193**	**19,790,773**	**20,625,921**	**104%**
1	Thu NSĐP được hưởng 100%	6,194,000	7,988,000	6,630,787	83%
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	14,804,193	11,802,773	13,995,134	119%
II	**Thu bổ sung từ NSTW**	**4,707,215**	**4,707,915**	**7,030,930**	**149%**
1	Thu bổ sung cân đối	128,023	128,723		0%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4,579,192	4,579,192	7,030,930	154%
III	**Nguồn khác**		**2,607,478**		
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**26,003,608**	**27,106,166**	**27,656,851**	**106%**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**21,296,393**	**22,398,951**	**20,625,921**	**97%**
1	Chi đầu tư phát triển	7,246,060	9,421,869	6,978,860	96%
2	Chi thường xuyên	12,166,043	12,009,875	12,143,108	100%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	119,000	119,000	70,000	59%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910	2,910	2,910	100%
5	Dự phòng ngân sách	419,960	309,960	419,960	100%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1,342,420	535,337	1,011,083	**75%**
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**4,707,215**	**4,707,215**	**7,030,930**	**149%**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	4,707,215	4,707,215	7,030,930	149%
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				
C	**BỘI CHI NSĐP/ BỘI THU NSĐP**	**298,200**	**298,200**		
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**				
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
Đ	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**	-	-	-	
1	Vay để bù đắp bội chi				
2	Vay để trả nợ gốc				
Ghi chú:					
(1) Đối với các chỉ tiêu thu NSĐP, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSĐP, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;					

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 34/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

(Đính kèm công văn số 13608 /UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC TH NĂM 2018	DỰ TOÁN NĂM 2019	SO SÁNH (1) (%)
A	**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**				
I	**Nguồn thu ngân sách**	**20,691,337**	**21,193,894**	**22,360,007**	**106%**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	15,984,122	14,176,701	15,329,077	108%
2	Thu bổ sung từ NSTW	4,707,215	4,707,915	7,030,930	149%
-	Thu bổ sung cân đối				
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4,707,215	4,707,915	7,030,930	149%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư		2,309,278		0%
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
II	**Chi ngân sách**	**20,691,337**	**21,193,894**	**22,360,007**	**108%**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	15,386,324	14,811,176	17,075,904	111%
2	Chi bổ sung cho ngân sách huyện	5,305,013	6,382,718	5,284,103	100%
-	Chi bổ sung cân đối	4,829,239	4,829,239	4,734,552	98%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	475,774	1,553,479	549,551	116%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
III	**Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP**				
B	**NGÂN SÁCH HUYỆN**				
I	**Nguồn thu ngân sách**	**10,319,084**	**11,996,790**	**10,580,947**	**88%**
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	5,014,072	5,614,072	5,296,844	94%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	5,305,013	6,382,718	5,284,103	83%
-	Thu bổ sung cân đối	4,829,239	4,829,239	4,734,552	98%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	475,774	1,553,479	549,551	35%
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
II	**Chi ngân sách**	**10,319,084**	**11,996,790**	**10,580,947**	**103%**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	10,319,084	11,996,790	10,580,947	103%
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã				
-	Chi bổ sung cân đối				
-	Chi bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 35/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo công văn số 13608/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018		DỰ TOÁN NĂM 2019		SO SÁNH (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**50,707,000**	**19,790,773**	**54,291,000**	**20,625,921**	**107%**	**104%**
I	**Thu nội địa**	**33,707,000**	**19,790,773**	**37,191,000**	**20,625,921**	**110%**	**104%**
1	***Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý***	***2,000,000***	***1,099,000***	***2,580,000***	***1,420,360***	***129%***	***129%***
-	Thuế giá trị gia tăng	1,100,000	517,000	1,324,400	622,468	120%	120%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	500	235	600	282	120%	120%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	599,500	281,765	863,000	405,610	144%	144%
-	Thuế tài nguyên	300,000	300,000	392,000	392,000	131%	131%
2	***Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý***	***1,696,000***	***850,120***	***2,692,000***	***1,291,740***	***159%***	***152%***
-	Thuế giá trị gia tăng	550,000	258,500	815,000	383,050	148%	148%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	696,000	327,120	1,177,000	553,190	169%	169%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	350,000	164,500	650,000	305,500	186%	186%
-	Thuế tài nguyên	100,000	100,000	50,000	50,000	50%	50%
3	***Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài***	***12,140,000***	***5,701,520***	***14,179,000***	***6,665,435***	***117%***	***117%***
-	Thuế giá trị gia tăng	3,453,000	1,622,910	4,458,000	2,095,260	129%	129%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	180,000	76,610	350,000	160,505	194%	210%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,500,000	3,995,000	9,361,000	4,399,670	110%	110%
-	Thuế tài nguyên	7,000	7,000	10,000	10,000	143%	143%
-	Tiền thuê mặt đất, mặt nước						
4	***Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh***	***4,885,000***	***2,335,700***	***4,872,000***	***2,337,540***	***100%***	***100%***
-	Thuế giá trị gia tăng	3,280,000	1,541,600	3,247,000	1,526,090	99%	99%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	30,000	14,100	35,000	16,450	117%	117%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,500,000	705,000	1,500,000	705,000	100%	100%
-	Thuế tài nguyên	75,000	75,000	90,000	90,000	120%	120%
5	***Thuế thu nhập cá nhân***	***4,750,000***	***2,232,500***	***5,800,000***	***2,726,000***	***122%***	***122%***
6	***Thuế bảo vệ môi trường***	***360,000***	***62,933***	***510,000***	***89,159***	***142%***	***142%***
7	***Lệ phí trước bạ***	***1,100,000***	***1,100,000***	***1,280,000***	***1,280,000***	***116%***	***116%***
8	***Thu phí, lệ phí***	***430,000***	***300,000***	***500,000***	***320,000***	***116%***	***107%***
9	***Thuế sử dụng đất nông nghiệp***	***62,000***	***62,000***	***62,000***	***62,000***		***100%***
10	***Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp***						
11	***Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước***	***1,000,000***	***1,000,000***	***600,000***	***600,000***	***60%***	***60%***
12	***Thu tiền sử dụng đất***	***2,500,000***	***2,500,000***	***1,500,000***	***1,500,000***	***60%***	***60%***

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018		DỰ TOÁN NĂM 2019		SO SÁNH (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP
13	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*	*15,000*	*15,000*			*0%*	*0%*
14	*Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*	*1,491,000*	*1,491,000*	*1,485,000*	*1,485,000*	*100%*	*100%*
15	*Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*	*150,000*	*143,000*	*180,000*	*163,900*	*120%*	*115%*
16	*Thu khác ngân sách*	*820,000*	*590,000*	*750,000*	*483,787*	*91%*	*82%*
17	*Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác*	*28,000*	*28,000*	*1,000*	*1,000*	*4%*	*4%*
18	*Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước*	*280,000*	*280,000*	*200,000*	*200,000*	*71%*	*71%*
II	**Thu từ dầu thô**						
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**	**17,000,000**		**17,100,000**	**-**	**101%**	
IV	**Thu viện trợ**						

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 36/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

(Kèm theo công văn số 13608/UBNd-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NSĐP	CHIA RA	
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**20,625,921**	**10,044,975**	**10,580,946**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**20,625,921**	**10,044,975**	**10,580,946**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**6,978,860**	**4,249,653**	**2,729,207**
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	1,500,000	600,000	900,000
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*	1,485,000	1,015,449	469,551
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
4	Bội chi ngân sách			
II	**Chi thường xuyên**	**12,143,108**	**4,649,920**	**7,493,188**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*5,172,849*	*1,495,404*	*3,677,445*
2	*Chi khoa học và công nghệ*	*110,563*	*110,563*	
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**70,000**	**70,000**	
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**2,910**	**2,910**	
V	**Chi dự phòng ngân sách**	**419,960**	**204,942**	**215,018**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**1,011,083**	**867,550**	**143,533**
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)			
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 37/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo công văn số 13608/UBND-KT ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	TỔNG SỐ CHI NSĐP	**14,779,527**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH HUYỆN**	**4,734,552**
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC**	**10,044,975**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**4,249,653**
II	**Chi thường xuyên**	**4,649,920**
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1,495,404
2	Chi khoa học và công nghệ	110,563
3	Chi y tế, dân số và gia đình	886,569
4	Chi văn hóa thông tin	97,810
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	79,760
7	Chi bảo vệ môi trường	169,670
8	Chi các hoạt động kinh tế	530,125
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	589,220
10	Chi bảo đảm xã hội	425,221
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**70,000**
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**2,910**
V	**Dự phòng ngân sách**	**204,942**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**867,550**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 38/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2019

(Đính kèm công văn 13608 /UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ		-	-	**70,000**	**2,910**	**204,942**	**867,550**	-	-	-	-
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	-										
1	Cơ quan A	-										
2	Tổ chức B	-										
...	...	-										
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY**	**70,000**			**70,000**							
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	**2,910**				**2,910**						
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**204,942**					**204,942**					
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**	**867,550**						**867,550**				
VI	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN**	-										
VII	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**	-										

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 39/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ													
1	Văn phòng HĐND tỉnh													
2	Văn phòng UBND tỉnh													
3	Sở Tài chính													
4	Sở Kế hoạch Đầu tư													
5	Sở Nội vụ													
6	Sở Ngoại vụ													
7	Sở Thông tin Truyền thông													
8	Sở Khoa học Công nghệ													
9	Sở Công thương													
10	Sở Tài nguyên Môi trường													
11	Sở Tư pháp													
12	Sở Nông nghiệp PTNT													
13	Sở Giao thông vận tải													
14	Sở Y tế													
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch													
16	Sở Xây dựng													

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
17	Sở Lao động TBXH													
18	Sở Giáo dục đào tạo													
19	Thanh tra tỉnh													
20	Công an tỉnh													
21	Cảnh sát PCCC													
22	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh													
23	Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh													
24	Đại học Đồng Nai													
25	Trường Chính trị tỉnh													
26	Cao đẳng nghề Đồng Nai													
27	Cao đẳng Y tế Đồng Nai													
28	Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai													
29	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao													
30	Bảo hiểm xã hội tỉnh													
31	Nhà thiếu nhi tỉnh													
32	Ban Quản lý các KCN													
33	Ban Quản lý KCN CNSH													
34	Ban Dân tộc													
35	Tỉnh Ủy													
36	Hội chữ thập đỏ													
37	Hội người mù													
38	Hội cựu thanh niên xung phong													
39	Hội nạn nhân chất độc da cam													
40	Hội người cao tuổi													

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
41	Hội chiến sĩ cánh mạng bị địch bắt, tù đày													
42	Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ													
43	UBMT Tổ quốc tỉnh													
44	Tỉnh đoàn													
45	Hội phụ nữ													
46	Hội nông dân													
47	Hội cựu chiến binh													
48	Hội nhà báo													
49	Hội văn học nghệ thuật													
50	Liên minh Hợp tác xã													
51	Hội Luật gia													
52	Liên hiệp các hội KHKT													
53	Hội khuyến học													
54	Hội sinh viên													
55	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị													
56	Trung tâm Văn Miếu Trấn Biên													
57	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa tỉnh													
58	Nhà xuất bản Đồng Nai													

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 40/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Đính kèm công văn số 13608 /UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1		2	3	4	5	7	8	9	12	13	
	TỔNG SỐ	**4,649,920**	**148,955**	**1,495,404**	**110,563**	**886,569**	**97,810**	**79,670**	**169,670**	**530,126**	**589,220**	**425,221**	**9,706**
1	Văn phòng HĐND tỉnh	16,345									16,345		
2	Văn phòng UBND tỉnh	63,772					10,494		4,582		45,743		2,953
3	Sở Tài chính	62,230								40,000	22,230		
4	Sở Kế hoạch Đầu tư	15,707		473						2,000	13,043		191
5	Sở Nội vụ	67,589		17,222							50,367		
6	Sở Ngoại vụ	9,916		1,075							8,841		
7	Sở Thông tin Truyền thông	30,443							200	23,977	6,266		
8	Sở Khoa học Công nghệ	103,514		21,110	74,476						7,928		
9	Sở Công thương	45,506							3,676	27,004	14,826		
10	Sở Tài nguyên Môi trường	177,350							141,055	17,447	18,848		
11	Sở Tư pháp	17,967									12,592		5,375
12	Sở Nông nghiệp PTNT	226,630								176,184	50,446		
13	Sở Giao thông vận tải	165,172								145,937	19,235		
14	Sở Y tế	608,046		13,728		576,991			1,917		15,410		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1		2	3	4	5	7	8	9	12	13	
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	203,454		47,404			67,230	79,670	100		9,050		
16	Sở Xây dựng	67,980								52,679	15,301		
17	Sở Lao động TBXH	544,445		105,609							13,615	425,221	
18	Sở Giáo dục đào tạo	1,100,003		1,088,704							11,299		
19	Thanh tra tỉnh	10,209									10,209		
20	Công an tỉnh	45,600	41,300	700					3,600				
21	Cảnh sát PCCC	-											
22	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	127,213	107,655	19,558									
23	Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh	29,578				29,578							
24	Đại học Đồng Nai	82,061		82,061									
25	Trường Chính trị tỉnh	23,798		23,798									
26	Cao đẳng nghề Đồng Nai	-											
27	Cao đẳng Y tế Đồng Nai	22,786		22,786									
28	Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai	28,104		28,104									
29	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao	19,841		19,841									
30	Bảo hiểm xã hội tỉnh	280,000				280,000							
31	Nhà thiếu nhi tỉnh	3,991					3,991						
32	Ban Quản lý các KCN	21,320		3,231					1,550		15,352		1,187
33	Ban Quản lý KCN CNSH	33,488			29,707						3,781		
34	Ban Dân tộc	16,249									16,249		
35	Tỉnh Ủy	105,000									105,000		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1		2	3	4	5	7	8	9	12	13	
36	Hội chữ thập đỏ	3,572									3,572		
37	Hội người mù	1,235									1,235		
38	Hội cựu thanh niên xung phong	1,399									1,399		
39	Hội nạn nhân chất độc da cam	852									852		
40	Hội người cao tuổi	1,124									1,124		
41	Hội chiến sĩ cánh mạng bị địch bắt, tù đày	1,586									1,586		
42	Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ	-											
43	UBMT Tổ quốc tỉnh	10,573									10,573		
44	Tỉnh đoàn	13,204									13,204		
45	Hội phụ nữ	7,203									7,203		
46	Hội nông dân	9,685									9,685		
47	Hội cựu chiến binh	5,429									5,429		
48	Hội nhà báo	960									960		
49	Hội văn học nghệ thuật	3,530									3,530		
50	Liên minh Hợp tác xã	9,898									9,898		
51	Hội Luật gia	709									709		
52	Liên hiệp các hội KHKT	14,781			6,380						8,401		
53	Hội khuyến học	1,904									1,904		
54	Hội sinh viên	1,332									1,332		
55	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4,648									4,648		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1		2	3	4	5	7	8	9	12	13	
56	Trung tâm Văn Miếu Trấn Biên	7,000					7,000						
57	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa tỉnh	63,483					5,595		12,990	44,898			
58	Nhà xuất bản Đồng Nai	3,500					3,500						
59	Dự phòng	-											
60	CHI KHÁC	107,006											107,006

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 41/CK-NSNN

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Đính kèm công văn số 13608 /UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: %

STT	Tên đơn vị	Chia theo sắc thuế						
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế tài nguyên	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế bảo vệ môi trường	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Thành phố Biên Hòa	47	47	47	100	47	47	100
2	Thị xã Long Khánh	47	47	47	100	47	47	100
3	Huyện Xuân Lộc	47	47	47	100	47	47	100
4	Huyện Cẩm Mỹ	47	47	47	100	47	47	100
5	Huyện Tân Phú	47	47	47	100	47	47	100
6	Huyện Định Quán	47	47	47	100	47	47	100
7	Huyện Thống Nhất	47	47	47	100	47	47	100
8	Huyện Trảng Bom	47	47	47	100	47	47	100
9	Huyện Vĩnh Cửu	47	47	47	100	47	47	100
10	Huyện Long Thành	47	47	47	100	47	47	100
11	Huyện Nhơn Trạch	47	47	47	100	47	47	100

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 42/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2019

(Đính kèm công văn số 13608 /UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách huyện
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách huyện hưởng 100%	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia (theo phân cấp HĐND cấp tỉnh)				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	**5,885,670**	**3,541,205**	**1,694,890**	**1,846,315**	**4,734,552**	**-**	**-**	**9,211,396**
1	Thành phố Biên Hòa	2,830,000	1,658,950	726,000	932,950	(0)			2,108,185
2	Huyện Vĩnh Cửu	344,500	206,860	99,700	107,160	396,110			652,423
3	Huyện Trảng Bom	734,400	571,852	434,800	137,052	112,659			755,668
4	Huyện Thống Nhất	127,400	81,790	45,600	36,190	483,148			566,489
5	Huyện Định Quán	164,000	82,738	23,400	59,338	763,068			885,805
6	Huyện Tân Phú	83,270	44,382	16,370	28,012	762,618			807,000
7	Thị xã Long Khánh	194,830	102,289	43,280	59,009	521,097			640,775
8	Huyện Xuân Lộc	244,600	158,366	98,300	60,066	628,938			815,718
9	Huyện Cẩm Mỹ	125,020	85,413	56,940	28,473	616,830			702,243
10	Huyện Long Thành	564,550	306,233	87,800	218,433	208,142			662,256
11	Huyện Nhơn Trạch	473,100	242,334	62,700	179,634	241,943			614,834

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 43/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2019

(Đính kèm công văn số 13608/UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	**549,551**	**469,551**	**80,000**	**-**
1	Thành phố Biên Hòa	166,034	166,034		
2	Huyện Vĩnh Cửu	63,000	23,000	40,000	
3	Huyện Trảng Bom	22,248	22,248		
4	Huyện Thống Nhất	48,175	48,175		
5	Huyện Định Quán	63,000	23,000	40,000	
6	Huyện Tân Phú	23,000	23,000		
7	Thị xã Long Khánh	34,217	34,217		
8	Huyện Xuân Lộc	20,000	20,000		
9	Huyện Cẩm Mỹ	25,347	25,347		
10	Huyện Long Thành	50,628	50,628		
11	Huyện Nhơn Trạch	33,902	33,902		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 44/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

(Đính kèm công văn số 13608 /UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội các vùng				Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển lâm nghiệp bền vững				Chương trình mục tiêu quốc gia Dự án quan trọng quốc gia			
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Tổng số	Đầu tư phát triển			Tổng số	Đầu tư phát triển		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	11=12+15	12=13+14	13	14				
	TỔNG SỐ															
I	**Ngân sách cấp tỉnh**	**7,030,930**	7,030,930													
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	35,930	35,930		35,930	35,930	35,930									
2	Chi cục Kiểm lâm	5,000	5,000						5,000	5,000	5,000					
3	UBND tỉnh	6,990,000	6,990,000										6,990,000	6,990,000	6,990,000	
II	**Ngân sách huyện**															
1	Thành phố Biên Hòa															
2	Huyện Vĩnh Cửu															
3	Huyện Trảng Bom															
4	Huyện Thống Nhất															
5	Huyện Định Quán															
6	Huyện Tân Phú															
7	Thị xã Long Khánh															
8	Huyện Xuân Lộc															
9	Huyện Cẩm Mỹ															
10	Huyện Long Thành															
11	Huyện Nhơn Trạch															

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 45/CK-NSNN

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Đính kèm công văn số 13608/UBND-KT ngày 11 /12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
A	B	1	3	4	5	6	7	8	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số															**2,208,605**
A	**Thực hiện dự án**															**1,987,390**
I	**Giao thông**															**598,979**
a	**Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình và bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2019**															**1,000**
1	Dự án cải tạo đường Hùng vương – thị xã long khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng) ngân sách tỉnh 50%	LK	2019-2023													1,000
b	**Công trình chuyển tiếp qua 2019**															389,979
1	Dự án đường 30 tháng 4 nối dài (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Nam Kỳ khởi nghĩa-chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện bằng nguồn ngân sách huyện khoảng 22,264 tỷ đồng)	TB	2017-2019													**4,600**
2	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại)	NT	2017-2020													**30,000**

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...								
3	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn - Phú An, huyện Tân Phú, (NST hỗ trợ xây lắp)	TP	2017-2020													40,000
4	Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 21 huyện Long Thành (phương án đầu tư cải tạo theo tuyến đường hiện hữu), kể cả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	LT - BH	2017-2020													6,327
5	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong (hạng mục phát sinh)	BH	2017-2021													**1,500**
6	Đường Chu Văn An, Thống Nhất - Định Quán (đường liên huyện - giai đoạn 3; ngân sách huyện chi BTGPMB)	ĐQ	2017-2019													5,000
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 765 đoạn từ km 5+500 đến km 10+000, huyện Xuân Lộc	NT	2017-2020													16,057
8	Đường Long Giao - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB khoảng 2,0 tỷ đồng)	CM	2017-2020													**40,000**
9	Đường song hành quốc lộ 1A đoạn tránh ngã tư Amata (Ngân sách thành phố thực hiện BTGPMB khoảng 2,345 tỷ đồng)	BH	2017-2019													2,095

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
10	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1 A (NSH thực hiện BTGPMB khoảng 3,912 tỷ đồng)	XL	2017-2019													19,000
11	Dự án Đường kết nối vào cảng Phước An (đoạn từ đường 319 đến nút giao cắt với đường cao tốc Bến Lức – Long Thành), huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2018-2022													70,000
12	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK	2018-2020													22,000
13	Dự án xây dựng 01 cầu trên đường vào Khu ủy Miền Đông huyện Vĩnh Cửu	VC	2018-2020													1,400
14	Dự án Xây dựng cầu Suối Nứa trên đường vào Trung ương cục miền Nam	VC	2018-2020													1,000
15	Dự án Xây dựng mới cầu Tà Lài, xã Tà Lài huyện Tân Phú	TP	2018-2020													8,000
16	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	XL	2018-2022													20,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...								
17	Dự án xây dựng đoạn 3 tuyến đường Cao Cang , huyện Định Quán (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	ĐQ	2018-2020													21,000
18	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (NST thực hiện phần xây lắp khoảng 37 tỷ)	BH	2018-2022													17,000
19	Dự án Nâng cấp đường vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% xây lắp 22,5 tỷ đồng)	ĐQ	2017-2020													10,000
20	Đường nhựa từ ngã ba Bà Hào đi bia di tích Trung ương cục miền Nam huyện VC	VC	2018-2020													25,000
21	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (triển khai giai đoạn 2, gồm 04 tuyến đường, NSH thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng khoảng 110 tỷ đồng)	LT	2017-2021													25,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
22	Dự án đường dân sinh và mương thoát lũ dọc đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB khoảng 3,0 tỷ đồng)	CM	2018-2020													5,000
c	**Công trình khởi công mới năm 2019**															208,000
1	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn song hành QL1A từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMĐT), kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng	TB	2018-2020													15,000
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023													40,000
3	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc) - đoạn Km0-Km8+300 và Km15+000 đến Km24+000	XL-ĐQ	2019-2023													100,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...								
4	Dự án xây dựng mới Cầu Mít trên đường Hương lộ 12, huyện Nhơn Trạch (NSH thực hiện bồi thường)	NT	2019-2021													8,000
5	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả BTGPMB)	NT	2019-2022													20,000
6	Nâng cấp tuyến đường Suối Chồn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	LK	2018-2022													25,000
II	**Quản lí nhà nước**															146,000
a	**Công trình chuyển tiếp năm 2019**															146,000
1	Dự án xây Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh	BH	2016-2019													15,000
2	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	BH	2017-2020													25,000
3	Xây dựng Trụ sở làm việc Khu Bảo tồn	VC	2017-2020													700
4	Xây mới Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn Đồng Nai	BH	2017-2019													9,000
5	Xây dựng mới trụ sở làm việc hội nông dân tỉnh	BH	2017-2019													7,800
6	Xây dựng Nhà làm việc các cơ quan khối Đảng Tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020													28,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
7	Trụ sở làm việc Ủy ban đoàn kết công giáo	BH	2018-2020													5,000
8	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	BH	2018-2022													25,000
9	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc UBND huyện Nhơn Trạch	NT	2018-2020													10,000
10	Dự án Xây mới Trụ sở làm việc Báo Đồng Nai	BH	2018-2020													10,000
11	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện thành Trụ sở làm việc Huyện ủy Tân Phú	TP	2018-2020													10,500
III	**Hạ tầng Công Cộng**															502,700
a	**Dự án chuyển tiếp 2019**															480,700
1	Tuyến thoát nước từ cầu Suối Cạn ra rạch Cái Sình	VC	2015-2019													4,800
2	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB và triển khai thi công Đoạn 3)	NT	2017-2021													50,000
3	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH - LT	2016-2020													110,000
4	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2021													70,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
5	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2020													5,400
6	Tuyến thoát nước từ khu phố 4 đến Suối Đá thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	TB	2017-2020													26,500
7	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2017-2022													100,000
8	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định													70,000
9	Dự án hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu	VC	2018-2020													15,000
10	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh	LK	2018-2020													5,000
11	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Mỹ	CM	2018-2020													16,000
12	Dự án xây dựng đường dây trung thế và trạm biến áp vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán	ĐQ	2018-2020													8,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
b	**Công trình khởi công mới năm 2019**															22,000
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK	2019-2021													5,000
2	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An, huyện Tân Phú	TP	2019-2021													12,000
3	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP	2019-2021													5,000
IV	**Nông - Lâm -Thủy lợi**															397,411
a	**Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình 2019**															500
1	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2024													500
b	**Công trình chuyển tiếp 2019**															294,911
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) ngân sách tỉnh 109,503 tỷ	ĐQ	2016-2020													30,000
2	Hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc (kể cả hạng mục phát sinh)	XL	2015-2019													15,000
3	Xây dựng mới trạm bơm Giang Điền huyện Tân Phú	TP	2017-2020													12,500
4	Tiêu thoát nước cánh đồng Bàu Kiên xã Thanh Sơn huyện ĐQ	ĐQ	2017-2020													7,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
5	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2020													6,552
6	Xây dựng đường và cầu qua đập tràn hồ tuyến V, hồ Cầu Mới	LT-CM	2017-2019													11,000
7	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-**dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA** (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH	2017-2021													100,000
8	Hồ chứa nước Cầu Dầu, thị xã Long Khánh	LK	2016-2019													18,000
9	Xây dựng tuyến kênh dẫn nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Xuân Lộc, huyện Xuân Lộc (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	XL	2018-2020													4,359
10	Dự án Nạo vét và gia cố bờ suối Quán Thủ, huyện Long Thành (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LT	2018-2020													20,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...								
11	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	2018-2020													15,000
12	Trạm bơm ấp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021													19,000
13	Thoát nước lũ xã Xuân Lập	LK	2018-2020													15,000
14	Dự án cải tạo, nạo vét hồ Sen và hồ Bà Hào, huyện Vĩnh Cửu (hạng mục phát sinh)	VC	2019													3,500
15	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	2018-2020													18,000
c	**Công trình khởi công mới năm 2019**															102,000
1	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cải (Ngân sách thị xã chi bồi thường 55,4 tỷ	LK	2019-2022													20,000
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2017-2021													50,000
3	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	VC	2019-2021													15,000
4	Sửa chữa, nạo vét lòng hồ công trình hồ Suối Vọng	CM	2018-2020													12,000
5	Dự án Trạm bơm ấp 4 xã Tà Lài huyện Tân Phú	TP	2019-2021													5,000
V	**An ninh quốc phòng**															277,500

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
a	**Công trình chuyển tiếp 2019**															270,500
1	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Tân Phú	TP	2015-2019													14,000
2	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (hạng mục phát sinh)	XL	2015-2019													4,500
3	Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho cảnh sát PCCC tỉnh từ năm 2015-2018 (tên cũ KH 17 là Tiểu dự án đầu tư trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho CS PCCC)	BH	2017-2019													3,000
4	Dự án đầu tư trang thiết bị cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2016-2020 cho CS PCCC tỉnh	BH	2017-2019													9,000
5	Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	VC	2017-2020													65,000
6	Dự án Nhà làm việc, nhà phục vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020													15,000
7	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH	2018-2022													160,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
b	**Công trình khởi công mới năm 2019**															7,000
1	Dự án cải tạo và xây dựng Trụ sở Công an huyện Nhơn Trạch (tỉnh 50%, Bộ CA 40%, huyện 10%)	NT	2018-2020													7,000
VI	**Khoa học công nghệ**															64,800
a	**Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình 2019**															500
1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa hoc và Công nghệ	BH	2017-2019													500
a	**Công trình chuyển tiếp 2019**															32,700
1	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70%)	CM	2017-2021													28,000
2	Dự án xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu trong các cơ quan Đảng tỉnh ĐN	BH	2018-2020													3,500
3	Dự án xây dựng các hệ thống thông tin và phần mềm đặc trưng của tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020													1,200
b	**Công trình khởi công mới năm 2019**															31,600

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
1	Nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020													3,600
2	Dự án an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện cho các cơ quan trực thuộc tỉnh	BH	2018-2020													16,000
3	Dự án Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2	BH	2019-2022													12,000
B	**Bố trí vốn thanh toán chi phí lập hồ sơ đối với các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư**															9,600
I	**Các dự án được phê duyệt dự án đầu tư**															9,600
1	**Các dự án phê duyệt dự án đầu tư**															7,600
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020-2024													800
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2020-2024													800
3	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi, huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021													500

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn										
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
4	Trạm xử lý nước thải 2000 m3/ ngày đêm tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai	CM	2019-2021													500
5	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh phú, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021													500
6	Nạo vét Suối Săn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	2018-2022													1,000
7	Đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú kết hợp bờ bao tránh lũ	TP	Tối đa 3 năm													100
8	Dự án Hồ Gia Ui 2, huyện Xuân Lộc		2020-2024													800
9	Sửa chữa công trình Đập dâng Long An	LT	2019-2021													100
10	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp)	BH	2018-2022													50
11	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC	2018-2020													50
12	Hồ Chứa nước Thoại Hương	CM	Tối đa 5 năm													100

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/...				Kế hoạch vốn năm 2019			
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
						Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...								
13	Dự án Trụ sở làm việc Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh và Trung tam hành chính công tỉnh Đồng Nai (NST 50% chi phi xây lắp + thiết bị)	BH	2018-2021													500
14	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, NST 50%	XL	2020-2024													800
15	Trung tâm công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai (vốn TW đã TB 15 tỷ)	BH	2019-2023													500
16	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch	NT	2020-2024													500
II	**Bố trí lập hồ sơ chủ trương đầu tư**															2,000
C	**Chưa phân bổ chi tiết (dự kiến bố trí để đẩy nhanh tiến độ nhưng chưa được cấp thẩm quyền điều chỉnh trung hạn)**															93,562
D	**Nguồn vốn Dự phòng thanh toán đối với các dự án phê duyệt dự toán bồi thường trong năm 2018 và năm 2019**															98,053
E	**Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch**															20,000